TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 107/2026/HS-ST
Ngày: 25- 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân*:* Ông Ngô Văn Sang và ông Phan Văn Tiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thể – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2026/TLST – HS ngày 11 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Đức T, sinh ngày 15/10/1993; Nơi cư trú: Thôn L, xã V, tỉnh Hưng Yên; số CCCD: 034093000984; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân T1 và bà Trần Thị N; bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 129/2012/HSST ngày 02/8/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt Phạm Đức T 04 năm tù về tội "Cướp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 06/12/2011. Ngày 06/12/2014, Phạm Đức T chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 19/10/2012 đã nộp khoản án phí hình sự 200.000 đồng. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2026 đến ngày 06/02/2026 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh H. Được dẫn giải có mặt.

* *Người chứng kiến*: Ông Phạm Xuân T2, sinh năm 1965 và ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1962, cùng trú tại thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên. (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 31/01/2026, Phạm Đức T thuê xe ôm của một người không quen biết đi từ nhà tại thôn L, xã V, tỉnh Hưng Yên đến khu vực chợ Q, phường T, tỉnh Hưng Yên để mua ma túy. Khi đi đến nơi, T đi bộ một đoạn thì

thấy một người đàn ông khoảng 45 tuổi, không biết tên, địa chỉ đứng bên đường, T đi lại gần hỏi và mua 500.000 đồng được 01 túi ma túy, T nhận túi ma túy và cất trong túi áo khoác bên phải đang mặc rồi quay lại chỗ người xe ôm và bảo chở đến xã N, tỉnh Hưng Yên để chơi. Khi đi đến khu vực cây xăng H thuộc thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên, T xuống xe, trả tiền xe ôm rồi đi bộ tìm nhà bạn, khi đang đi bộ thì T bị Cơ quan điều tra yêu cầu kiểm tra. Trước sự chứng kiến của ông Phạm Xuân T2 và ông Vũ Văn Đ, T tự giác giao nộp từ túi áo khoác bên phải đang mặc 01 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ, bên trong có chứa chất dạng tinh thể trong suốt, T khai là ma túy sử dụng cho bản thân. Cơ quan điều tra đã niêm phong số ma túy vào phong bì thư rồi dẫn giải T về trụ sở Công an xã N, tỉnh Hưng Yên tiến hành làm việc theo quy định. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh H tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Đức T không phát hiện thu giữ gì.

Tại bản kết luận giám định số 363/KL-KTHS ngày 04/02/2026 của Phòng K, Công an tỉnh H kết luận: Vật chứng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3959 gam *(Không phẩy ba nghìn chín trăm năm mươi chín gam)*.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến gì về kết luận giám định nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 66/CT-VKSTT ngày 08/5/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên đã truy tố Phạm Đức T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 - Hưng Yên giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phạm Đức T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2026 xử phạt bị cáo Phạm Đức T mức án từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tù thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2026. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị về vật chứng và án phí.

Bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng bị cáo đã ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tố tụng, của người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền,trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến đề nghị, khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận: Khoảng 12 giờ 35 phút ngày 31/01/2026, tại khu vực cây xăng H, thuộc thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên, Công an xã N, tỉnh Hưng Yên phát hiện bắt quả tang Phạm Đức T có hành vi tàng trữ trái phép trong túi áo khoác bên phải đang mặc 01 túi nilon ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,3959 gam với mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ: Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; Bản kết luận giám định số 363/KL-KTHS ngày 04/02/2026 của Phòng K Công an tỉnh H; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu; Lời khai của những người chứng kiến: ông Vũ Văn Đ và ông Phạm Xuân T2, cùng các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm hại quyền quản lý độc quyền của nhà nước đối với các chất gây nghiện. Bị cáo đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Đức T đã phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2026.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Bị cáo đã từng bị kết án phải chấp hành hình phạt tù. Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục có hành vi tàng trữ ma túy để sử dụng. Điều này cho thấy bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật kém, nguy cơ tái phạm cao. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của mình và cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội đồng thời đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Bị cáo tàng trữ ma tuý với số lượng ít để sử dụng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Số ma túy thu giữ của bị cáo sau giám định là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về nguồn gốc ma túy, bị cáo Phạm Đức T khai mua ma tuý của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025. Điểm a khoản 2 Điều 106; các Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Đức T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Đức T 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2026.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 0,3631 gam Methamphetamine và toàn bộ phong bì hoàn trả mẫu vật giám định 363/KL- KTHS ngày 04/02/2026 của Phòng K Công an tỉnh H. *(Có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Hưng Yên).*

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Đức T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/5/2026.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên.
- Cơ quan điều tra, Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vương